

Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội

Báo cáo tài chính, Quý I năm 2010

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2010

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Báo cáo tài chính	
Bảng cân đối kế toán	1-2
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	3
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	4-5
Thuyết minh báo cáo tài chính	6-20

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 03 năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/03/2010	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		135.020.256.059	99.860.250.959
110	I. Tiền		16.453.980.586	15.852.488.141
111	1. Tiền	5	16.453.980.586	15.852.488.141
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	6	23.940.000	23.940.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		132.600.000	132.600.000
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(108.660.000)	(108.660.000)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		26.038.335.499	25.307.997.575
131	1. Phải thu khách hàng		12.027.637.307	11.297.299.383
132	2. Trả trước cho người bán		10.780.413.836	10.780.413.836
135	3. Các khoản phải thu khác	7	4.098.869.072	4.098.869.072
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(868.584.716)	(868.584.716)
140	IV. Hàng tồn kho	8	83.276.406.294	53.548.413.692
141	1. Hàng tồn kho		85.161.885.674	55.433.893.072
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.885.479.380)	(1.885.479.380)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		9.227.593.680	5.127.411.551
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		7.216.141.796	4.156.088.037
154	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		1.242.788.750	617.878.307
158	3. Tài sản ngắn hạn khác		768.663.134	353.445.207
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		112.723.328.921	113.342.158.929
220	I. Tài sản cố định		112.605.957.773	113.224.787.781
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	80.602.028.541	83.544.669.744
222	Nguyên giá		147.578.024.170	147.578.024.170
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(66.975.995.629)	(64.033.354.426)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	10	5.703.015.648	6.311.401.366
225	Nguyên giá		7.958.802.990	7.958.802.990
226	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.255.787.342)	(1.647.401.624)
227	3. Tài sản cố định vô hình	11	89.713.605	104.997.535
228	Nguyên giá		336.289.821	336.289.821
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(246.576.216)	(231.292.286)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	26.211.199.979	23.263.719.136
250	II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	13	-	-
258	1. Đầu tư dài hạn khác		750.000.000	750.000.000
259	2. Dự phòng đầu tư dài hạn		(750.000.000)	(750.000.000)
260	III. Tài sản dài hạn khác		117.371.148	117.371.148
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		117.371.148	117.371.148
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		247.743.584.980	213.202.409.888

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/03/2010	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		91.908.692.952	57.706.696.485
310	I. Nợ ngắn hạn		90.343.236.301	55.899.041.969
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	14	42.897.105.507	4.804.943.086
312	2. Phải trả người bán		16.075.937.143	16.660.304.661
313	3. Người mua trả tiền trước		6.178.968.118	6.246.900.005
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	6.926.255.791	9.358.707.080
315	5. Phải trả người lao động		(114.562.219)	1.281.948.644
316	6. Chi phí phải trả	16	13.351.469.045	12.979.402.708
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		5.028.062.916	4.566.835.785
330	II. Nợ dài hạn		1.565.456.651	1.807.654.516
334	1. Vay và nợ dài hạn	17	-	-
336	2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		1.565.456.651	1.807.654.516
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		155.834.892.028	155.495.713.403
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	155.834.892.028	155.495.713.403
411	1. Vốn cổ phần		125.000.000.000	125.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		63.778.796.500	63.778.796.500
416	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
417	3. Quỹ đầu tư phát triển		3.817.886.084	3.817.886.084
418	4. Quỹ dự phòng tài chính		1.160.418.827	1.160.418.827
420	5. Lỗ lũy kế		(37.922.209.383)	(38.261.388.009)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		247.743.584.980	213.202.409.888

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Ngày 31/03/2010	Số đầu năm
1. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược (VNĐ)	-	228.983.844
2. Ngoại tệ các loại – Đô la Mỹ		127.779

Trưởng phòng tài chính kế toán.
Lê Ngọc Hùng

Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Hồng

Ngày 31 tháng 03 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2010

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý I/2010	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng	19.1	68.959.115.199	286.234.571.718
03	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19.1	(4.230.505.870)	(11.278.729.566)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng		64.728.609.329	274.955.842.152
11	4. Giá vốn hàng bán	20,23	(49.190.326.865)	(202.006.806.553)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		15.538.282.464	72.949.035.599
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19.2	60.151.439	515.296.822
22	7. Chi phí tài chính	21	(1.724.224.368)	(7.835.863.644)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay			3.192.084.188
24	8. Chi phí bán hàng	23	(10.907.894.072)	(42.471.446.012)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	(2.497.722.234)	(9.920.426.058)
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		468.593.229	13.236.596.706)
31	11. Thu nhập khác	22	97.690004	271.602.416
32	12. Chi phí khác	22	(44.318.181)	(225.812.121)
40	13. Lợi nhuận/(lỗ) khác		53.371.823	45.790.295
50	14. Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế		521.965.052	13.282.387.001)
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24	(52.196.505)	(421.643.480))
52	16. (Chi phí)/thu nhập thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế TNDN		469.768.547	12.860.743.521
70	18. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu - Lãi cơ bản			1.029

Trưởng phòng tài chính kế toán.
Lê Ngọc Hùng
Ngày 31 tháng 03 năm 2010

Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Hồng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
Cho kỳ tài chính Quý I năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Qu I/2010	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế		521.965.052	13.282.387.001
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định	9, 10,11	3.566.310.851	14.325.379.690
03	Các khoản dự phòng		-	(25.061.830.623)
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		-	547.274.978
05	Lỗ từ hoạt động đầu tư, thanh lý tài sản cố định		-	-
06	Chi phí lãi vay		282.188.748	3.192.084.188
07	Thu nhập lãi cho vay, cổ tức		(60.151.439)	(378.387.467)
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		4.310.313.212	5.906.907.766
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(1.766.864.057)	(15.561.277.777)
10	Tăng/(giảm) hàng tồn kho		(29.727.992.602)	42.246.129.908
11	Tăng các khoản phải trả		3.647.968.089	28.667.595.461
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(3.177.424.907)	(3.641.217.352)
13	Tiền lãi vay đã trả		(282.188.748)	(3.192.084.188)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	-
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(1.258.622.216)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		(26.996.189.013)	53.167.431.602
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản cố định khác		(2.947.480.843)	(6.722.744.565)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		-	-
24	Thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của các đơn vị khác		-	1.540.000.000
27	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
28	Tiền lãi		60.151.439	378.387.467
30	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư		(2.887.329.404)	(4.804.357.098)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu		-	25.000.000.000
34	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		33.256.860.862	91.543.481.203
35	Tiền chi trả nợ gốc vay		(2.771.850.000)	(151.033.743.906)
36	Tiền chi trả nợ thuê tài chính		-	(1.578.423.163)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
Cho kỳ tài chính Quý I năm 2010

Đơn vị tính: VND

<i>Mã số</i>	<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Qu I/2010</i>	<i>Năm trước</i>
37	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông			
38	Các khoản lưu chuyển khác từ hoạt động tài chính			
40	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính		30.485.010.862	(36.068.685.866)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong quý		601.492.445	12.294.388.638
60	Tiền đầu quý		15.852.488.141	3.626.960.318
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	(68.860.815)
70	Tiền cuối quý	5	16.453.980.586	15.852.488.141

Trưởng phòng tài chính kế toán
Lê Ngọc Hùng

Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Hồng

Ngày 31 tháng 03 năm 2010

Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Vào ngày và cho Kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động hợp pháp theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103000592, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 2 tháng 11 năm 2001. Công ty đã đăng ký sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 15 vào ngày 22 tháng 12 năm 2009.

Hoạt động chính của Công ty là chế biến và kinh doanh sữa bò, sữa đậu nành, các sản phẩm làm từ sữa, chế biến hàng nông sản, thực phẩm, nước uống, các loại nước trái cây và các hoạt động kinh doanh khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại Km số 9, Bắc Thăng Long, Nội Bài, Khu công nghiệp Quang Minh, xã Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội, Việt Nam và 3 chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hà Nội và tỉnh Bình Dương.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2010 là: 450 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009: 391 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng*

Các báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VNĐ”) phù hợp với Hệ thống Kế toán Việt Nam và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Niên độ kế toán*

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đồng tiền kế toán*

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng VNĐ.

Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Vào ngày và cho Kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU .

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|---------------------------|---|
| Nguyên vật liệu, hàng hóa | - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm | - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

Dự phòng cho hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán .

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Vào ngày và cho Kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Thuê tài sản (tiếp theo)

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc, nếu thấp hơn, theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.7 Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa vật kiến trúc	8 - 20 năm
Máy móc thiết bị	5 - 12 năm
Phương tiện vận tải	4 - 7 năm
Trang thiết bị văn phòng	3 - 7 năm
Tài sản cố định khác	4 - 5 năm
Bản quyền, bằng sáng chế	10 năm
Phần mềm máy tính	5 năm
Tài sản cố định vô hình khác	4 - 5 năm

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Vào ngày và cho Kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo).

3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.10 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi năm báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại công ty được hơn 12 tháng với mức trích bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương tháng bình quân sử dụng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh tại cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của 6 tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Bất kỳ khoản trích thêm nào đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ.

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Công ty áp dụng hướng dẫn theo VAS 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” (“VAS 10”) liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ và đã áp dụng nhất quán trong các năm tài chính trước.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Hướng dẫn về chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm theo VAS 10 khác biệt so với quy định trong Thông tư 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái (“Thông tư 201”) .

Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Vào ngày và cho Kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

<i>Nghệp vụ</i>	<i>Xử lý kế toán theo VAS 10</i>	<i>Xử lý kế toán theo Thông tư 201</i>
Đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tài sản và công nợ tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được phản ánh ở tài khoản “Chênh lệch tỷ giá” trong khoản mục vốn trên bảng cân đối kế toán và sẽ được ghi giảm trong năm tiếp theo.
Đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục công nợ tiền tệ dài hạn có gốc ngoại tệ	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.	- Tất cả lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh - Tất cả lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Tuy nhiên, trường hợp ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá dẫn đến kết quả hoạt động kinh doanh trước thuế của công ty bị lỗ, một phần lỗ chênh lệch tỷ giá có thể được phân bổ vào các năm sau để đảm bảo công ty không bị lỗ. Trong mọi trường hợp, tổng số lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại số dư công nợ dài hạn đến hạn phải trả. Phần lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại có thể được phản ánh trên bảng cân đối kế toán và phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh trong vòng 5 năm tiếp theo.

3.12 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Vào ngày và cho Kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Vào ngày và cho Kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

3.CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

5. TIỀN

	Đơn vị tính: VNĐ	
	31/03/2010	Số đầu năm
Tiền mặt	74.018.239	67.625.314
Tiền gửi ngân hàng	16.379.962.347	15.784.862.827
	16.453.980.586	15.852.488.141

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VNĐ	
	31/03/2010	Số đầu năm
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	132.600.000	132.600.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(108.660.000)	(108.660.000))
Giá trị thuần đầu tư tài chính ngắn hạn	23.940.000	23.940.000
Trong đó		
Đầu tư ngắn hạn	132.600.000	132.600.000

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Đơn vị tính: VNĐ	
	31/03/2010	Số đầu năm
Phải thu Công ty Cổ phần Nhựa bao bì Đức Tấn - Sài Gòn (*)	1.060.000.000	1.060.000.000
Phải thu Công ty Cổ phần Thiết bị và Ô tô Việt nam (**)	2.850.000.000	2.850.000.000
Phải thu khác	188.869.072	188.869.072
	4.098.869.072	4.098.869.072

Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Vào ngày và cho Kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

8. HÀNG TỒN KHO

	31/03/2010	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i> Số đầu năm
Hàng mua đang đi trên đường	4.778.302.703	19.410.583.708
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	69.799.267.249	22.719.385.958
Công cụ, dụng cụ	3.637.467.845	3.611.309.282
Thành phẩm	6.738.144.706	9.483.910.953
Hàng hóa	208.703.171	208.703.171
	85.161.885.674	55.433.893.072

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Vào ngày và cho Kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VNĐ

	<i>Nhà cửa. vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Trang thiết bị văn phòng</i>	<i>Tài sản cố định khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:						
Số dư đầu năm tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	28.353.597.435	107.166.557.967	9.412.909.599	2.553.214.866	43.763.636	147.578.024.170
- Mua trong quý	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối tại ngày 31 tháng 03 năm 2010	28.353.597.435	107.166.557.967	9.412.909.599	2.553.214.866	43.763.636	147.578.024.170
Giá trị hao mòn:						
Số dư đầu năm tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	11.594.843.439	46.737.812.887	3.917.785.034	1.749.574.191	33.338.875	64.033.354.426
- Khấu hao trong quý	-	-	-	-	-	2.942.641.203
Số dư cuối quý I tại ngày 31 tháng 03 năm 2010	-	-	-	-	-	66.975.995.629
Giá trị còn lại:						
Số dư đầu năm tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	16.758.753.996	60.428.745.080	5.495.124.565	851.621.342	15.130.304	83.544.669.744
Số dư cuối Quý I tại ngày 31 tháng 03 năm 2010	-	-	-	-	-	80.602.028.541

Một phần tài sản của công ty được cầm cố theo các hợp đồng thế chấp với các ngân hàng như trình bày tại Thuyết minh số 14.

Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Vào ngày và cho Kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

Máy móc thiết bị

Nguyên giá:

Số dư đầu năm tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	7.958.802.990
- Thuê trong quý	-
Số dư cuối Quý I tại ngày 31 tháng 03 năm 2010	<u>7.958.802.990</u>

Giá trị hao mòn lũy kế:

Số dư đầu năm tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	1.647.401.624
- Khấu hao trong quý	608.385.718
Số dư cuối Quý I tại ngày 31 tháng 03 năm 2010	<u>2.555.787.342</u>

Giá trị còn lại:

Số dư đầu năm tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	<u>6.311.401.366</u>
Số dư cuối Quý I tại ngày 31 tháng 03 năm 2010	<u>5.703.015.648</u>

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Bản quyền. bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Số dư đầu năm tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	33.412.943	288.376.878	14.500.000	336.289.821
- Mua trong năm	-	-	-	-
Số dư cuối Quý I tại ngày 31 tháng 03 năm 2010	<u>33.412.943</u>	<u>288.376.878</u>	<u>14.500.000</u>	<u>336.289.821</u>
Giá trị hao mòn:				
Số dư đầu năm tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	7.438.035	213.214.177	10.640.074	231.292.286
- Tăng trong năm				15.283.930
Số dư cuối Quý I tại ngày 31 tháng 03 năm 2009	-	-	-	<u>246.576.216</u>
Giá trị còn lại:				
Số dư đầu năm tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	<u>25.974.908</u>	<u>75.162.701</u>	<u>3.859.926</u>	<u>104.997.535</u>
Số dư cuối Quý I tại ngày 31 tháng 03 năm 2010	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>89.713.605</u>

Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Vào ngày và cho Kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	<i>Đơn vị tính:VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31/03/2010</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đầu tư vào Công ty CP phát triển siêu thị Hapro Thanh Hóa	750.000.000	750.000.000
	750.000.000	750.000.000

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính:VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31/03/2010</i>	<i>Số đầu năm</i>
Vay ngân hàng ngắn hạn	40.238.117.724	2.145.955.303
Nợ dài hạn đến hạn phải trả	2.658.987.783	2.658.987.783
	42.897.105.507	4.804.943.086

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Đơn vị tính:VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31/03/2010</i>	<i>Số đầu năm</i>
Thuế giá trị gia tăng	4.029.479.405	6.348.353.035
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	969.050.287	1.166.853.782
Các loại thuế khác	1.927.726.099	1.843.500.263
	6.926.255.791	9.358.707.080

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<i>Đơn vị tính:VNĐ</i>	
	<i>Tại ngày 31 tháng 03 năm 2010</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải trả các đại lý phân phối	13.351.469.045	10.969.083.884
Phải trả khác	-	2.010.318.824
	13.351.469.045	12.979.402.708

Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Vào ngày và cho Kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VNĐ					
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
m trước						
dư đầu năm	125.000.000.000	63.778.796.500	3.817.886.084	1.160.418.827	(49.863.509.313)	118.893.592.
ổ trong năm	-	-	-	-	-	-
chia cổ tức	-	-	-	-	-	-
giảm khác	-	-	-	-	-	-
dư cuối năm	<u>125.000.000.000</u>	<u>63.778.796.500</u>	<u>3.817.886.084</u>	<u>1.160.418.827</u>	<u>(49.863.509.313)</u>	<u>118.893.592.</u>
ngày 31 tháng 03 năm 2010						
dư đầu năm	125.000.000.000	63.778.796.500	3.817.886.084	1.160.418.827	(38.261.388.009)	155.495.713.
nộp vốn	-	-	-	-	-	-
lợi nhuận trong Quý I	-	-	-	-	469.768.547	469.768.
giảm khác	-	-	-	-	(130.589.923)	(130.589.923)
dư cuối Quý	<u>125.000.000.000</u>	<u>63.778.796.500</u>	<u>3.817.886.084</u>	<u>1.160.418.827</u>	<u>(37.922.209.383)</u>	<u>155.834.892.</u>

Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Vào ngày và cho Kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

17. DOANH THU

17.1 Doanh thu bán hàng

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Quý I /2010	Năm trước
Tổng doanh thu	68.959.115.199	286.234.571.718
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	68.959.115.199	286.234.571.718
Các khoản giảm trừ doanh thu	(4.230.505.870)	(11.278.729.566)
Hàng bán bị trả lại	-	(10.350.062.461)
Giảm giá hàng bán	-	(928.667.105)
Doanh thu thuần	64.728.609.329	274.955.842.152
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	64.728.609.329	274.955.842.152

17.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Quý I /2010	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	60.151.439	378.387.467
Cổ tức thu được từ đầu tư	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	126.919.355
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	9.990.000
	60.151.439	515.296.822

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Quý I /2010	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	49.190.326.865	24.712.684.387
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	203.834.797.452
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(28.865.723.170)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	2.325.047.884
	49.190.326.865	202.006.806.553

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Quý I /2010	Năm trước
Lãi tiền vay	1.724.224.368	3.192.084.188
Lỗ chênh lệch tỷ giá thực hiện	-	4.017.513.668
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	547.274.978
Chi phí tài chính khác	-	78.990.811
	1.724.224.368	7.853.863.645

Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Vào ngày và cho Kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

20. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Quý I /2010	Năm trước
Thu nhập khác	97.690.004	271.602.416
Thu thanh lý tài sản	-	-
Tiền thuê đất	-	268.800.000
Thu nhập khác	97.690.004	2.802.416
Chi phí khác	44.318.181	225.812.121
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý và chi phí thanh lý tài sản	-	-
Chi phí thuê đất	-	216.666.666
Chi phí khác	44.318.181	9.145.455
GIÁ TRỊ THUẦN	53.371.823	45.790.295

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Quý I /2010	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	38.110.538.262	165.665.647.306
Chi phí nhân công	885.211.500	26.434.716.601
Chi phí khấu hao tài sản	3.551.026.921	14.457.183.836
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.907.894.072	13.669.781.180
Chi phí khác	9.141.272.416	34.171.349.701
	62.595.943.171	254.398.678.624

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP.

Hoạt động sản xuất và chế biến sữa:

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong 3 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lợi nhuận chịu thuế và được giảm 50% đối với thuế suất thuế TNDN áp dụng cho công ty trong 7 năm tiếp theo. Thuế suất áp dụng cho Công ty trong 10 năm đầu tiên là 20%, thuế suất áp dụng cho Công ty trong các năm sau giai đoạn miễn và giảm thuế là 25%. Công ty phát sinh lợi nhuận kinh doanh đầu tiên trong năm 2004.

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Công ty trong năm là 10 % lợi nhuận chịu thuế.

Hoạt động kinh doanh thương mại:

Công ty thực hiện theo các quy định hiện hành về thuế thu nhập doanh nghiệp. Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Vào ngày và cho Kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

23.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Đơn vị tính: VND	
	Quý I /2010	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ hiện hành	52.196.505	421.643.480
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp trích thiếu/ (thừa) năm trước	-	-
	52.196.505	421.643.480

23.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Trưởng phòng tài chính kế toán.
Lê Ngọc Hùng

Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Hồng

Ngày 31 tháng 03 năm 2010